

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Trinh và ông Nguyễn Thanh Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/HSST ngày 22/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST-HS ngày 13/6/2019 đối với bị cáo Trần Ngọc T, tên gọi khác: T; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1999, tại huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Trần G – sinh năm 1964, con bà Ngô Thị Hồng L – sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2019 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Trần Văn K – sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 04/02/2019, Trần Ngọc T (sinh ngày 04/02/1999, trú tại thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi) gọi điện thoại thông qua ứng dụng Messenger (của mạng xã hội Facebook) cho Trần Văn K (sinh ngày 20/02/1993, trú cùng thôn với T) để nhờ K mua giúp ma túy cho T với giá tiền 500.000đ, nhưng K nói không có. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày T gọi lại cho K nhờ mua ma túy giúp, K bảo T đến Nhà văn hóa thôn T gặp K để đi mua ma túy. T mượn xe mô tô của bạn tên K (chưa rõ lai lịch, T nói với bạn là mượn xe chở bạn gái đi dạo chơi), T điều khiển xe mô tô đến gặp K và nói với K là mua giúp ma túy với giá 1.000.000đ, K liên lạc với người bán ma túy thỏa thuận và sau đó T đưa K 1.000.000đ rồi chở K đi đến khu vực gần trường Trung học cơ sở X (ở thôn L, xã X) để lấy ma túy. Khi đến nơi, cả 02 vào một khu vực tối đứng đợi thì có một thanh niên điều khiển xe mô tô, mang khẩu trang che mặt, đầu đội mũ bảo hiểm (hiện chưa xác minh được lai lịch). Tại đây Trần Văn K đưa cho người thanh niên số tiền 1.000.000đ và người này đưa cho K ma túy được cuộn tròn trong tờ tiền mệnh giá 2.000đ, sau đó người thanh niên điều khiển xe bỏ đi, còn T chở K về đến khu vực Nhà văn hóa thôn T, K lấy tờ tiền 2.000đ vứt đi và đưa ma túy cho T rồi K đi về nhà mình. Trần Ngọc T cất giấu ma túy vào ba lô mang theo người rồi điều khiển xe đến chỗ nhóm bạn đang nhậu, T trả xe cho bạn và ngồi chơi với nhóm bạn. Sau đó nghe có đánh nhau trên thôn A– X nên T đi nhờ xe bạn lên để xem đánh nhau, nhưng không thấy có đánh nhau nên T đứng ở đường bê tông thuộc thôn A một lúc thì lực lượng tuần tra của Công an huyện Đức Phổ phát hiện có dấu hiệu khả nghi nên tiến hành kiểm tra và phát hiện trong ba lô T mang trên người có 02 túi nylon chứa tinh thể màu trắng (T khai là ma túy dạng đá, T mua về để sử dụng), 01 bình nhựa có gắn ống thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy đá). Lực lượng Công an huyện Đức Phổ tiến hành đưa T về trụ sở Công an xã Phổ Thạnh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong các vật chứng.

Theo bản kết luận giám định số: 290/KLGD-PC09 ngày 07/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi:

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định có khối lượng là 0,22gam; có Methamphetamine; hàm lượng Methamphetamine là 52,5%. Do đó, khối lượng Methamphetamine tinh chất có trong 0,22gam mẫu gửi giám định là 0,11 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như kết quả điều tra vụ án. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ trong phần tranh luận đã phân tích tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 01 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo Trần Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội trong bì niêm phong màu trắng, có chữ ký giáp lai của Trần Ngọc T, Võ Tấn T, Đinh Văn N và đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong số 290/PC54 (GD – 2019) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, phía sau có dòng chữ “mẫu vật hoàn trả sau giám định (0,18gam)”, có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và chữ ký giáp lai của Võ Tấn T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Minh N; 01 (một) ba lô màu trắng loại một quai đeo, đã qua sử dụng; 01 (một) bình nhựa có gắn ống thủy tinh;

- Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T số tiền 1.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Phổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hành vi tàng trữ trái phép chất Methamphetamine (theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ thì chất Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323) của bị cáo nhằm vào mục đích để sử dụng. Theo bản kết luận giám định số: 290/KLGD-PC09 ngày 07/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi: Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định có khối lượng là 0,22gam; có Methamphetamine; hàm lượng Methamphetamine là 52,5%. Do đó, khối lượng Methamphetamine tinh chất có trong 0,22gam mẫu gửi giám định là 0,11 gam. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nên cáo trạng số 14/CT-VKS – ĐP ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội: Xét bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết về pháp luật. Bị cáo thừa hiểu ma túy là một tệ nạn xã hội, gây hậu quả hệ lụy rất lớn cho nhân loại và toàn xã hội nhưng để thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, xâm phạm trực tiếp chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cộng đồng nên cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Trần Ngọc T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị Tòa án cấp nào xét xử về hành vi phạm tội nào.

[6] Đối với Trần Văn K, qua các lời khai thì K thừa nhận vào ngày 04/02/2019 có giúp Trần Ngọc T mua ma túy từ một người thanh niên không rõ lai lịch để T sử dụng. Nhưng K đã đưa lại cho T số ma túy đã mua, sau đó T mang đi đâu, cất giấu ở đâu, sử dụng vào mục đích gì thì K không biết. Qua các tài liệu quá trình điều tra đã thu thập, không đủ cơ sở chứng minh 02 túi nylon ma túy đã thu giữ khi bắt quả tang có phải là ma túy do K mua giúp T không. Vì sau khi T nhận ma túy từ K thì T đã đi chơi, nhậu với nhóm bạn, đồng thời T là người nghiện ma túy, thường xuyên sử dụng ma túy đá, có ma túy để sử dụng từ những nguồn khác nhau. Vì vậy không đủ căn cứ chứng minh Trần Văn K đồng phạm với Trần Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K là có căn cứ.

[7] Đối với người thanh niên chưa rõ lai lịch đã bán ma túy cho Trần Ngọc T và Trần Văn K. Vì người thanh niên này mang khẩu trang, mặc áo khoác, đội mũ bảo hiểm và đứng ở khu vực tối nên cả T và K đều không xác định được là ai. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh xử lý đối tượng này sau là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ:

- 01 điện thoại di động của bị cáo Trần Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước;

- 01 (một) bì niêm phong số 290/PC54 (GD – 2019) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, phía sau có dòng chữ “mẫu vật hoàn trả sau giám định (0,18gam)”, có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và chữ ký giáp lai của Võ Tấn T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Minh N; 01 (một) ba lô màu trắng loại một quai đeo, đã qua sử dụng; 01 (một) bình nhựa có gắn ống thủy tinh. Xét các vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo, tuy không liên quan đến vụ án nhưng cần tiếp tục tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án và trả lại cho bị cáo 800.000 đồng.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo Trần Ngọc T sử dụng vào việc phạm tội trong bì niêm phong màu trắng, có chữ ký giáp lai của Trần Ngọc T, Võ Tấn T, Đinh Văn N và đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong số 290/PC54 (GD – 2019) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, phía sau có dòng chữ “mẫu vật hoàn trả sau giám định (0,18gam)”, có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và chữ ký giáp lai của Võ Tấn T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Minh Nh; 01 (một) ba lô màu trắng loại một quai đeo, đã qua sử dụng; 01 (một) bình nhựa có gắn ống thủy tinh;

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ và Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đức Phổ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000đồng của bị cáo Trần Ngọc T để đảm bảo thi hành án; trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T số tiền 800.000 đồng. Số tiền này hiện đang tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.1043763.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại Kho bạc Nhà nước huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS công an huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức